

Số: 08 /2008/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 11 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức phụ cấp và sinh hoạt phí hàng tháng
đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố**

CÔNG VĂN BẢN SỐ: 512
Ngày 11 tháng 8 năm 08

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Thông tư liên tịch số 34/2004/TTLB-BNV-BTC-BLĐTBXH, ngày 14/5/2004 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND, ngày 17/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và mức sinh hoạt phí đối với các chức danh cán bộ cơ sở; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-KTNS, ngày 07/7/2008 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành, thông qua mức phụ cấp và sinh hoạt phí hàng tháng đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố (như nội dung Đề án ban hành kèm theo Tờ trình số 41/TTr-UBND, ngày 17/6/2008 của UBND tỉnh).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này và báo cáo kết quả về HĐND tỉnh; giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND, ngày 14/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc: Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố; quy định thêm một số cán bộ được hưởng mức sinh hoạt phí.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VII, kỳ họp thứ 10 thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư Pháp;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



Niê Thuật

TỜ TRÌNH

**Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã,
thôn, buôn, tổ dân phố và mức sinh hoạt phí
đối với một số chức danh cán bộ cơ sở.**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21/10/2003 của Chính phủ, về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Thực hiện Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND, ngày 14/12/2006 của HĐND tỉnh, về việc điều chỉnh mức phụ cấp cho cán bộ cơ sở. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND, ngày 08/01/2007, về việc điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố; và mức sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở.

Quá trình thực hiện qui định trên đã kịp thời khuyến khích, động viên cán bộ cơ sở phấn khởi, nâng cao hiệu quả, chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; đến nay do mức lương tối thiểu chung đã được Chính phủ điều chỉnh 02 lần (từ 350.000 đồng, lên 450.000 đồng, hiện nay là 540.000 đồng). Để phù hợp với mức lương tối thiểu chung hiện nay, UBND tỉnh xây dựng đề án điều chỉnh mức phụ cấp và sinh hoạt phí cho cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố (có đề án kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Đề án điều chỉnh mức phụ cấp và sinh hoạt phí cho cán bộ không chuyên trách cấp xã và thôn, buôn, tổ dân phố.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, TH



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư

Buôn Ma Thuột, ngày 17 tháng 6 năm 2008

ĐỀ ÁN

**Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã,
thôn, buôn, tổ dân phố và mức sinh hoạt phí
đối với một số chức danh cán bộ cơ sở.**

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 1.313.917,27 ha (theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2007), dân số 1.750.463 nhân khẩu (theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2006); với 13 huyện và thành phố Buôn Ma Thuột; gồm 180 xã, phường, thị trấn, trong đó có 4 xã biên giới thuộc huyện Buôn Đôn và huyện Ea Súp, 38 xã đặc biệt khó khăn (hiện nay còn 23 xã); có 2.299 thôn, buôn, tổ dân phố.

II. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ.

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ, về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND ngày 14/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, về việc điều chỉnh mức phụ cấp cho cán bộ cơ sở.

UBND tỉnh xây dựng đề án điều chỉnh mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở cơ sở để đảm bảo chế độ, phù hợp với sự điều chỉnh mức lương tối thiểu chung hiện nay là 540.000 đồng.

III. THỰC TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, THÔN, BUÔN

1. Quy định về các chức danh cán bộ cấp xã:

1.1 Cán bộ chuyên trách gồm 12 chức danh.

Bí thư, Phó Bí thư, Thường trực Đảng ủy cấp xã (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác Đảng), Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã); Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND & UBND; Chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã; Bí thư Đoàn Thanh niên; Chủ tịch các Hội: Nông dân, Cựu Chiến binh, Liên hiệp Phụ nữ.

1.2. Công chức cấp xã gồm 7 chức danh:

Trưởng Công an (nơi chưa bố trí Công an chính quy), Trưởng xã đội, Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội.

1.3. Cán bộ không chuyên trách cấp xã bao gồm 19 chức danh và 5 chức danh không được coi là cán bộ được hưởng chế độ không chuyên trách cấp xã (quy định tại Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND, ngày 14/12/2006):

- Trưởng Ban Tổ chức, Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm tra đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo và 01 cán bộ Văn phòng, Phó Trưởng Công an, Phó Xã đội, cán bộ Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông lâm nghiệp, cán bộ Lao động Thương binh và Xã hội, cán bộ Dân số - Gia đình và Trẻ em, Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ, cán bộ phụ trách Đài Truyền thanh, cán bộ quản lý Nhà văn hóa, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã, Phó các đoàn thể cấp xã: Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

- Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND, ngày 14/12/2006 của HĐND quy định thêm 5 chức danh gồm: Trưởng khối dân vận, Phó chủ nhiệm UBKT Đảng cơ sở, cán bộ tổ chức, cán bộ tuyên giáo, cán bộ khối dân vận.

1.4. Cán bộ không chuyên trách ở thôn gồm 5 chức danh: Bí thư Chi bộ thôn, Phó Bí thư Chi bộ thôn, Trưởng thôn, Phó trưởng thôn và Công an viên.

2. Về số lượng cán bộ chuyên trách, công chức và cán bộ không chuyên trách:

2.1. Số lượng cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã hiện có 3.605 người

Trong đó: + Cán bộ chuyên trách là: 2.063 người.

+ Cán bộ công chức là: 1.542 người.

2.2. Số lượng cán bộ không chuyên trách ở xã là 3.339 người.

2.3. Số lượng cán bộ ở thôn là 9.936 người (Bao gồm cả Bí thư, Phó Bí thư, Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Công an viên).

2.4. Số lượng cán bộ trưởng các chi hội ở thôn, buôn, tổ dân phố là 10.600 người.

3. Về mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách:

Theo quy định tại Điều 7, Nghị định 121/2003/NĐ-CP: “Cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng cán bộ không chuyên trách cho từng xã, phường, thị trấn và mức phụ cấp cụ thể cho từng chức danh cán bộ không chuyên trách”.

Thực hiện quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND ngày 14/12/2006, về việc điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, tổ dân phố cụ thể như sau:

3.1. Về số lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã:

- Xã dưới 5000 dân được bố trí 15 cán bộ/19 chức danh.

- Xã trên 5000 dân được căn cứ trên 1500 dân được bố trí thêm 01 cán bộ nhưng không quá 19 người.

3.2. Mức phụ cấp của cán bộ không chuyên trách cấp xã hiện nay là:

- Mức 500.000đ/người/tháng đối với các chức danh: Phó Công an, Phó Xã đội, Văn thư – Lưu trữ – Thủ quỹ, cán bộ Kế hoạch – Giao thông – Thủy lợi – Nông Lâm nghiệp, cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Tổ chức Đảng, Chủ

nhệm Ủy ban kiểm tra Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo, Cán bộ Văn phòng Đảng ủy, Phó Chủ tịch Mặt trận tổ quốc.

- Mức 380.000đ/tháng đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, cán bộ phụ trách Dân số – Gia đình và Trẻ em, cán bộ phụ trách Đài Truyền thanh, cán bộ quản lý Nhà văn hóa.

3.3. Mức sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở.

a) Quy định thêm 05 cán bộ làm việc ở xã, phường, thị trấn nhưng không coi đây là cán bộ được hưởng chế độ không chuyên trách cấp xã gồm: Trưởng khối Dân vận, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng cơ sở, cán bộ tổ chức, cán bộ tuyên giáo, cán bộ dân vận và được hưởng sinh hoạt phí.

b) Quy định mức sinh hoạt phí: 500.000 đồng/tháng đối với cán bộ Trưởng khối Dân vận;

c) Quy định mức sinh hoạt phí: 360.000 đồng/tháng đối với Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng cơ sở;

d) Quy định mức sinh hoạt phí: 320.000 đồng/tháng đối với các chức danh: cán bộ tổ chức, cán bộ tuyên giáo, cán bộ dân vận;

e) Trường hợp không bố trí thêm cán bộ tổ chức, cán bộ tuyên giáo, cán bộ dân vận, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cơ sở thì vận dụng được hưởng 30% mức phụ cấp trách nhiệm của một chức danh kiêm nhiệm cao nhất.

3.4. Mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách ở thôn.

- Bí thư chi bộ thôn, Trưởng thôn: 210.000đ/tháng.

- Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn: 170.000đ/tháng.

* Đối với các xã biên giới, xã, buôn chương trình 135.

- Bí thư chi bộ, Trưởng thôn: 230.000đ/tháng

- Phó Bí thư chi bộ, Phó trưởng thôn: 180.000đ/tháng

- Mức 200.000đ/người/tháng đối với Công an viên thôn

- Phụ cấp Trưởng ban mặt trận, Trưởng các chi hội: Cựu chiến binh, Nông dân, Phụ nữ: 80.000đ/người/tháng.

4. Mức hoạt động phí cho Ủy ban MTTQVN xã hiện nay là: 5.000.000 đồng/năm.

5. Mức hoạt động phí cho mỗi tổ chức đoàn thể cấp xã, gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Đoàn Thanh niên hiện nay là 4.500.000 đồng/năm.

6. Mức quà thăm hỏi đối với già làng hiện nay là: 200.000 đồng/người/năm.

IV. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Mức phụ cấp hiện nay:

- Mức phụ cấp hàng tháng của cán bộ không chuyên trách làm việc ở xã có 4 mức: 500.000 đồng, 380.000đồng, 360.000đồng, 320.000 đồng.

- Mức phụ cấp hàng tháng của cán bộ không chuyên trách làm việc ở thôn có 6 mức: 230.000 đồng, 210.000 đồng, 200.000 đồng, 180.000 đồng, 170.000 đồng, 80.000 đồng.

2. Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã:

Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố dựa trên tỷ lệ phần trăm (%) điều chỉnh mức lương tối thiểu chung từ 350.000 đồng lên 450.000 đồng, hiện nay là 540.000 đồng, tương đương với mức tăng là 48%.

2.1 Điều chỉnh mức phụ cấp từ 500.000 đồng/tháng lên mức 740.000 đồng/tháng đối với các chức danh: Phó Công an, Phó Xã đội, Văn thư – Lưu trữ – Thủ quỹ, cán bộ Kế hoạch – Giao thông – Thủy lợi – Nông Lâm nghiệp, cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trưởng Ban Tổ chức Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo, cán bộ Văn phòng Đảng ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.

2.2 Điều chỉnh mức phụ cấp từ 380.000 đồng/tháng lên mức 560.000 đồng/tháng đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó Bí thư Đoàn, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, cán bộ phụ trách Dân số - Gia đình và Trẻ em, cán bộ phụ trách đài truyền thanh, cán bộ quản lý nhà văn hóa.

3. Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ ở thôn, buôn, tổ dân phố:

3.1. Điều chỉnh mức phụ cấp đối với: Bí thư Chi bộ, Phó Bí thư Chi bộ, Trưởng, Phó thôn, buôn, tổ dân phố (gọi chung là thôn) và Công an viên :

- Điều chỉnh mức phụ cấp từ 210.000 đồng/tháng lên mức 310.000 đồng/tháng đối với Bí thư Chi bộ thôn, Trưởng thôn;

- Điều chỉnh mức phụ cấp từ 170.000 đồng/tháng lên mức 250.000 đồng/tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng thôn;

- Điều chỉnh mức phụ cấp từ 200.000 đồng/tháng lên mức 300.000 đồng/tháng đối với Công an viên ở thôn.

* Đối với các xã biên giới, xã, thôn, buôn Chương trình 135:

- Điều chỉnh mức phụ cấp từ 230.000 đồng/tháng lên mức 340.000 đồng/tháng đối với Bí thư Chi bộ thôn, Trưởng thôn;

- Điều chỉnh mức phụ cấp từ 180.000 đồng/tháng lên mức 270.000 đồng/tháng đối với Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng thôn.

3.2. Điều chỉnh mức sinh hoạt phí từ 80.000 đồng/tháng lên mức 95.000 đồng/tháng đối với các chức danh: Trưởng Ban Mặt trận, Trưởng các Chi hội: Cựu Chiến binh, Nông dân, Phụ nữ và Chi đoàn Thanh niên thôn.

4. Điều chỉnh mức sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở:

4.1. Điều chỉnh mức sinh hoạt phí từ 500.000 đồng/tháng lên mức 740.000 đồng/tháng đối với cán bộ Trưởng Khối Dân vận;

4.2. Điều chỉnh mức sinh hoạt phí từ 360.000 đồng/tháng lên mức 530.000 đồng/tháng đối với Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng cơ sở;

4.3. Điều chỉnh mức sinh hoạt phí từ 320.000 đồng/tháng lên mức 470.000 đồng/tháng đối với các chức danh: cán bộ Tổ chức, cán bộ Tuyên giáo, cán bộ Dân vận.

Kinh phí một tháng là:

ĐVT: đồng

Số lượng CB không chuyên trách	Hiện hưởng		Mức 540.000		Kinh phí tăng thêm
	Mức quy định	Thành tiền	Mức điều chỉnh	Thành tiền	
1.359	500.000	679.500.000	740.000	1.005.660.000	326.160.000
1.620	380.000	615.600.000	560.000	907.200.000	290.600.000
180	360.000	64.800.000	530.000	95.400.000	30.600.000
180	320.000	57.600.000	470.000	84.600.000	27.000.000
933	230.000	214.590.000	340.000	317.220.000	102.630.000
3.078	210.000	646.380.000	310.000	954.180.000	307.800.000
812	180.000	146.160.000	270.000	219.240.000	73.080.000
2.814	170.000	478.380.000	250.000	703.500.000	225.120.000
2.299	200.000	459.800.000	300.000	689.700.000	229.900.000
10.600	80.000	848.000.000	95.000	1.007.000.000	424.000.000
23.875		4.210.810.000		5.983.700.000	1.772.890.000

Kinh phí tăng thêm một năm là: 1.772.890.000 đồng x 12 tháng = 21.274.680.000 đồng.

5. Trường hợp không bố trí thêm cán bộ làm việc tại xã gồm: cán bộ Tổ chức, cán bộ Tuyên giáo, cán bộ Dân vận, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng cơ sở thì vận dụng được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm bằng 20% mức lương (hoặc mức phụ cấp) hiện hưởng. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp bằng 20%.

6. Điều chỉnh mức hoạt động phí cho Ủy ban MTTQVN xã: từ 5.000.000 đồng lên 6.000.000 đồng/năm; kinh phí tăng một năm là:

$$(1.000.000 \text{ đ} \times 180 \text{ xã}) = 180.000.000 \text{ đồng.}$$

7. Điều chỉnh mức hoạt động phí cho mỗi tổ chức đoàn thể cấp xã, gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Đoàn Thanh niên: từ 4.500.000 đồng lên 5.500.000 đồng/năm; kinh phí tăng một năm là:

$$(1.000.000 \text{ đ} \times 4 \text{ đoàn thể} \times 180 \text{ xã}) = 720.000.000 \text{ đồng.}$$

8. Điều chỉnh mức quà thăm hỏi đối với già làng từ 200.000 đồng/người/năm lên 300.000 đồng/người/năm; kinh phí tăng một năm là:

$(100.000 \text{ đ} \times 553 \text{ buôn}) = 55.300.000 \text{ đồng}$

9. Kinh phí tăng trong một năm sau khi điều chỉnh là:

$(21.274.680.000 \text{ đ} + 180.000.000 \text{ đ} + 720.000.000 \text{ đồng} + 55.300.000 \text{ đ}) = 22.229.980.000 \text{ đồng}$. (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

10. Nguồn kinh phí chi trả:

Nguồn kinh phí chi trả từ nguồn cải cách tiền lương của các huyện, thành phố.

11. Thời điểm thực hiện điều chỉnh mức phụ cấp và sinh hoạt phí mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

VI. KẾT LUẬN:

Căn cứ vào tình hình thực tế và ngân sách của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xét thấy để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị hiện nay, việc điều chỉnh mức phụ cấp và sinh hoạt phí đối với cán bộ không chuyên trách ở cơ sở là cần thiết, nhằm bảo đảm sự tương quan và công bằng hơn trong chế độ, chính sách giữa cán bộ chuyên trách, công chức và cán bộ không chuyên trách ở cơ sở.

Khi Đề án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 08/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua. / *am*

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB HĐND tỉnh
- Các ĐB HĐND tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; CA tỉnh, CH Trưởng QS tỉnh
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP
- Các CVNCVP
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Lữ Ngọc Cư